

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC ĐỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ
TRONG NĂM 2022**

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định thành lập	Tổng mức vốn đầu tư đăng ký			Nguồn góp vốn điều lệ trong năm báo cáo				Tình hình đầu tư vốn	
						Tổng vốn	Vốn điều lệ	Huy động khác	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Khác	Đầu tư trong năm báo cáo	Đầu tư lũy kế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
A	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ													
I	Bộ Quốc Phòng													
B	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương													
I	Hà Nội													
	Doanh nghiệp A													
	Doanh nghiệp B													
	...													
	Tổng cộng	x	x	x	x									

Ghi chú:

- Cột (3): ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp
- Cột (4), (5), (6): tên cơ quan phê duyệt chủ trương / thẩm định / quyết định thành lập và ngày / tháng / năm ban hành văn bản, số văn bản
- Cột (14) = (10)+(11)+(12)+(13)
- Cột (15): lũy kế vốn điều lệ đã cấp cho doanh nghiệp tính từ ngày phê duyệt theo quyết định đến ngày 31/12 của năm báo cáo
- Các cột đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đề số 01.A

Triệu đồng

[illegible]

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo báo cáo số/BC-BTC ngày/...../2023 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Quy mô vốn điều lệ			Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ				
						Trước khi bổ sung	Bổ sung	Sau khi bổ sung	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ Đầu tư phát triển	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Giảm vốn điều lệ	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung	
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+ (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		(16)	(17)=(8)-(16)	
A	Tổng cộng					171,356,788	237,060,735	408,417,524	1,448,996	2,144,342	-	431,045	1,639,739	5,664,122	-	681,192	106,663,614	145,915,300
	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ					161,037,414	228,877,201	389,914,615	1,448,996	-	-	341,980	1,547,355	3,338,331	-	681,192	99,645,810	144,749,570
1	Bộ Quốc phòng					123,356,276	227,171,369	350,527,645	1,448,996	-	-	293,339	15,892	1,758,227	-681,192	97,968,696	144,720,852	
1.1	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 11	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	151,731	5,359,813	5,511,544	132,600					132,600		5,455,192		
1.2	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 13	SX cơ khí & hóa chất	BQP	BQP	BQP	557,431	731,036	1,288,467	14,494					14,494		1,048,637		
1.3	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 14	SX cơ khí & hóa chất	BQP	BQP	BQP	117,389	126,854	244,243					7,185	7,185		182,063		
1.4	Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15	SX thiết bị & hóa chất	BQP	BQP	BQP	83,090	268,434	351,524				11,880		11,880		259,904	8,530	
1.5	Công ty TNHH MTV Cơ khí 17	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	73,065	120,342	193,407	142,943					142,943		528,935		
1.6	Công ty TNHH MTV Hóa chất 21	SX hóa chất	BQP	BQP	BQP	198,890	128,498	327,388	98,967					98,967		492,005		
1.7	Công ty TNHH MTV Cơ khí 25	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	68,957	128,808	197,765	157,377					157,377		686,608		
1.8	Công ty TNHH MTV 27	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	252,604	137,857	390,461	10,769					10,769		451,259		
1.9	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 29	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	70,091	54,365	124,456	162,077					162,077		3,781,679		
1.10	Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31	SX cơ khí & hóa chất	BQP	BQP	BQP	264,561	246,527	511,088	13,116			54,764		67,880		347,159		
1.11	Công ty TNHH MTV 43	SX dây điện, cáp	BQP	BQP	BQP	80,927	67,358	148,285	20,966					20,966		135,927		
1.12	Công ty TNHH MTV Cao su 75	SX cao su	BQP	BQP	BQP	108,935	120,076	229,011	0					0		258,142		
1.13	Công ty TNHH MTV 76	SX bao bì, hàng dệt may	BQP	BQP	BQP	250,237	83,265	333,502	19,610					19,610		102,866		
1.14	Công ty TNHH MTV Điện tử Sao Mai	SX hàng điện, điện tử, CK	BQP	BQP	BQP	273,042	284,417	557,459	0					0		295,097		
1.15	Công ty TNHH MTV Cơ khí 83	SX gia công cơ khí	BQP	BQP	BQP	267,452	190,562	458,014	47,040					47,040		369,989		
1.16	Công ty TNHH MTV 95	SX hóa chất	BQP	BQP	BQP	766,141		766,141	31,339					31,339		489,724		
1.17	Cty TNHH MTV Quang điện - điện tử	SX thđi điện, quang điện	BQP	BQP	BQP	67,803	270,191	337,994	10,000					10,000		337,792		
1.18	Công ty TNHH MTV đóng tàu Hồng Hà	SC & đóng tàu	BQP	BQP	BQP	334,547	215,113	549,660	72,818			19,659		92,477		184,605	30,508	
1.19	Công ty TNHH MTV 189	SC & đóng tàu	BQP	BQP	BQP	411,454	779,760	1,191,214					-3,043	-3,043		156,732	623,028	
1.20	TCT Ba Son	SC & đóng tàu	BQP	BQP	BQP	569,546	690,194	1,259,740	63,753			30,866		94,619		4,187,593		
1.21	TCT Sông Thu	SC & đóng tàu	BQP	BQP	BQP	432,452	594,783	1,027,235	61,384			15		61,399		1,298,254		
1.22	TCT Kinh tế kỹ thuật CNQP (GAET)	SX - KDTM	BQP	BQP	BQP	500,000		500,000	15,500			6,993		22,493		22,015		
1.23	TCT 28	May mặc	BQP	BQP	BQP	700,000		700,000						0				
1.24	Công ty TNHH MTV In Quân đội 1	In ấn	BQP	BQP	BQP	66,207		66,207						0				
1.25	Công ty TNHH MTV In Quân đội 2	In ấn	BQP	BQP	BQP	49,224		49,224						0				
1.26	Công ty TNHH MTV Hacota	Mỹ thuật, KD, dịch vụ	BQP	BQP	BQP	100,000		100,000						0				
1.27	Công ty TNHH MTV Cơ khí - Cơ điện 151	SC ô tô, SX VTKT	BQP	BQP	BQP	71,764	124,746	196,510	29,327					29,327		296,600		
1.28	Công ty TNHH MTV 133	SC VTKT; SX cơ khí	BQP	BQP	BQP	94,000	510,978	604,978	36,132					36,132		679,335		

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Quy mô vốn điều lệ			Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ			
						Trước khi bổ sung	Bổ sung	Sau khi bổ sung	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ Đầu tư phát triển	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Giảm vốn điều lệ	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		(16)	(17)=(8)-(16)
1.29	Công ty TNHH MTV 153 Chiến Thắng	SC xe TTTG; SX ckhí; KD	BQP	BQP	BQP	177,586	251,524	429,110	113,726					113,726		650,572	
1.30	Công ty TNHH MTV 751	SC VTKT; SX cơ khí	BQP	BQP	BQP	131,716	51,219	182,935	8,490					8,490		283,788	
1.31	Công ty TNHH MTV UD CN cao (Hitaco)	KD XNK, dịch vụ	BQP	BQP	BQP	10,000	22,722	32,722	6,562					6,562		118,787	
1.32	Công ty TNHH MTV 59	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	70,000		70,000				1,188		1,188		-44,125	44,125
1.33	Công ty TNHH MTV DV đối ngoại	Dịch vụ, du lịch	BQP	BQP	BQP	46,000		46,000						0		26,758	
1.34	Công ty TNHH MTV 207	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	30,000		30,000						0		6,781	
1.35	Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ	Đo đạc, in bản đồ	BQP	BQP	BQP	115,000		115,000	10,000					10,000		92,585	
1.36	Công ty TNHH MTV Cơ điện điện tử 29	SC VKKT QS	BQP	BQP	BQP	97,000	113,732	210,732	10,622					10,622		279,692	
1.37	Công ty TNHH MTV Cơ điện điện tử 31	SC VKKT QS	BQP	BQP	BQP	120,326	288,871	409,197	100,530					100,530		551,172	
1.38	Công ty TNHH MTV SC máy bay & DVKTHK 32	SC MB, tị HK	BQP	BQP	BQP	250,000	568,537	818,537	46,466					46,466		821,687	
1.39	Công ty TNHH MTV điện cơ khí áp lực 34	SC VKKT QS	BQP	BQP	BQP	40,987	154,325	195,312	7,000					7,000		365,849	
1.40	Công ty TNHH MTV sửa chữa máy bay 41	SC MB, tị HK	BQP	BQP	BQP	84,111	405,332	489,443	27,580					27,580		570,374	
1.41	Công ty TNHH MTV sửa chữa máy bay 42	SC MB, tị HK	BQP	BQP	BQP	209,434	450,203	659,637	480					480		397,891	52,312
1.42	Công ty TNHH MTV thiết bị điện tử 45	SC VKKT QS	BQP	BQP	BQP	88,000	307,926	395,926	71,804					71,804		392,976	
1.43	Công ty TNHH MTV điện cơ 19 (Z119)	SC VKKT QS	BQP	BQP	BQP	117,672	283,185	400,857	351,455					351,455		800,633	
1.44	Công ty TNHH MTV TK&TV XDCT HK ADCC	Tư vấn, thiết kế XD	BQP	BQP	BQP	30,000		30,000						0			
1.45	TCT XD công trình hàng không ACC	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	300,000	366,000	666,000						0		157,653	208,347
1.46	TCT Tân cảng Sài gòn	Dịch vụ hàng hải	BQP	BQP	BQP	4,125,000	2,806,000	6,931,000	-678,149			5,008		-673,141		3,213,119	
1.47	Công ty TNHH MTV DV&DL Biển đảo Hải Thành	Dịch vụ TM	BQP	BQP	BQP	11,906	288,094	300,000					11,750	11,750		389,171	
1.48	Công ty TNHH MTV 128		BQP	BQP	BQP	500,000		500,000	11,666					11,666		-109,602	109,602
1.49	Công ty TNHH MTV Hải Trường Sa 129		BQP	BQP	BQP	220,000		220,000	4,692					4,692		84,109	
1.50	Công ty TNHH MTV đóng và SC tàu Hải Long	SC, đóng mới tàu	BQP	BQP	BQP	200,000	267,570	467,570	10,000					10,000		219,897	47,673
1.51	Công ty TNHH MTV Hải Bình	SC, đóng mới tàu	BQP	BQP	BQP	100,000	335,615	435,615	25,000					25,000		504,602	
1.52	Công ty TNHH MTV Hải Khánh	SC tàu, thiết bị điện	BQP	BQP	BQP	40,000	350,731	390,731	16,423					16,423		163,282	187,449
1.53	Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Z755	SX, SC TTB tín, viễn	BTL TT	BTL TT	BTL TT	60,000	120,000	180,000	22,004					22,004		270,232	
1.54	Công ty TNHH MTV 49	SC TTB Công bình	BQP	BQP	BQP	69,415	73,315	142,730	3,468					3,468		51,899	21,416
1.55	Công ty TNHH MTV 756	SC TTB Công bình	BQP	BQP	BQP	63,733	37,710	101,443	22,400					22,400		102,513	
1.56	Công ty TNHH MTV đóng tàu Sơn Hải	Đóng mới & SC tàu	BTL BP	BTL BP	BTL BP	72,460	111,857	184,317	12,315					12,315		106,295	5,562
1.57	Công ty TNHH MTV 129	SX TTB cơ yếu	BQP	BQP	BQP	45,377		45,377	3,129			456		3,585		61,138	
1.58	Công ty TNHH MTV Hà Thành	XD	BQP	BQP	BQP	35,000		35,000						0			
1.59	Công ty TNHH MTV Tây Bắc	XDCB, TM...	BQP	BQP	BQP	17,980		17,980						0		0	0
1.60	Công ty TNHH MTV hợp tác Quốc tế 705	XD, khai thác kh.sản, SXKD	BQP	BQP	BQP	40,000		40,000						0		2,113	

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Quy mô vốn điều lệ			Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ			
						Trước khi bổ sung	Bổ sung	Sau khi bổ sung	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ Đầu tư phát triển	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Giảm vốn điều lệ	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+ (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		(16)	(17)=(8)-(16)
1.61	TCT hợp tác kinh tế	SX, KD	BQP	BQP	BQP	456,252	293,748	750,000						0		293,748	0
1.62	Công ty TNHH MTV XDVT cả phê 15	SX nông nghiệp, c.nghiệp, đvu	BQP	BQP	BQP	90,000	131,334	221,334	12,649					12,649		38,680	92,654
1.63	Công ty TNHH MTV Hữu nghị Nam Lào (206)	XD, rà phá bom mìn, nông nghiệp	BQP	BQP	BQP	50,000		50,000						0		-7,778	7,778
1.64	Công ty TNHH MTV Đông Hải	Dệt may, KD, XD, dịch vụ	BQP	BQP	BQP	136,169	63,831	200,000				0		0		251,132	
1.65	Công ty TNHH MTV SX-TM-XNK Tây Nam	XD, dịch vụ	BQP	BQP	BQP	376,513	159,487	536,000						0		42,929	116,558
1.66	Công ty TNHH MTV 622	XD, dịch vụ	BQP	BQP	BQP	309,080	17,920	327,000	10,000					10,000		74,000	
1.67	Công ty TNHH MTV tư vấn tkế & đtư XD	Tư vấn, thiết kế	BQP	BQP	BQP	20,643	29,357	50,000	9,946			1,510		11,456		256,128	
1.68	Công ty TNHH MTV 16	SXKD, khai thác khoáng sản, XD	BQP	BQP	BQP	80,000	133,198	213,198	15,480					15,480		141,437	
1.69	TCT XNK TH Vạn Xuân	KP XNK, TM	BQP	BQP	BQP	20,000	480,000	500,000						0		245,537	234,463
1.70	TCT Xăng dầu Quân đội	KD xăng dầu	BQP	BQP	BQP	500,000		500,000						0		-61,496	61,496
1.71	TCT Đầu tư phát triển Nhà và đô thị	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	600,000	400,000	1,000,000				0		0		173,064	226,936
1.72	Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội	Viễn thông, CNTT, SXTB	CP	BTC	CP	100,000,000	200,000,000	300,000,000				0		0		59,231,139	140,768,861
1.73	TCT Trực thăng Việt Nam	Bay dịch vụ	BQP	BQP	BQP	2,536,723	1,443,277	3,980,000				113,575		113,575		934,307	508,970
1.74	TCT Đông Bắc	Khai thác than	BQP	BQP	BQP	816,000	584,000	1,400,000						0		584,000	0
1.75	TCT Thái Sơn	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	531,000		531,000				0		0		-175,743	175,743
1.76	TCT XD Lũng Lô	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	500,000		500,000						0		-93,476	93,476
1.77	TCT Thành An	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	115,009	384,991	500,000						0		206,089	178,902
1.78	TCT XD Trường Sơn	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	500,000	300,000	800,000				35,142		35,142		167,899	132,101
1.79	TCT 15	Trồng và chế biến cao su, XD	BQP	BQP	BQP	671,280	2,828,720	3,500,000	53,046					53,046		2,290,697	538,023
1.80	TCT 319	XD, rà phá bom mìn	BQP	BQP	BQP	365,000	555,000	920,000				12,283		12,283		546,098	8,902
1.81	Công ty TNHH MTV ƯD kỹ thuật và SX	KDTM, CN tin, viễn thông, XD	BQP	BQP	BQP	90,881	44,544	135,425						0		54,272	
1.82	TCT 789	Xây dựng	BQP	BQP	BQP	91,483	433,517	525,000						0		196,080	237,437
2	Bộ Giao thông vận tải					3,223,289	174,369	3,397,658	0	0	0	48,641	0	48,641		145,651	28,718
2.1	TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	Cung cấp dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tài chính	Bộ Giao thông vận tải	1,746,386	60,611	1,806,997				21,289		21,289		40,695	19,916
2.2	Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải	Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải...	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tài chính	Bộ Giao thông vận tải	471,084	20,024	491,108				1,935		1,935		20,024	0
2.3	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	Cung cấp dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tài chính	Bộ Giao thông vận tải	1,005,819	93,734	1,099,553				25,417		25,417		84,932	8,802

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Quy mô vốn điều lệ			Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ			
						Trước khi bổ sung	Bổ sung	Sau khi bổ sung	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ Đầu tư phát triển	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Giảm vốn điều lệ	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+ (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		(16)	(17)=(8)-(16)
3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					129,459	1,412,993	1,542,452					1,412,993	1,412,993		1,412,993	0
3.1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ khai thác hải sản Biển Đông		Thủ tướng Chính phủ	Bộ NN&PTNT	Bộ NN&PTNT	129,459	1,412,993	1,542,452					1,412,993	1,412,993		1,412,993	0
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam					34,328,390	118,470	34,446,860					118,470	118,470		118,470	0
4.1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tài chính- ngân hàng	Thủ tướng Chính phủ	NHNN phối hợp BTC	Bộ Tài chính	34,328,390	118,470	34,446,860					118,470	118,470		118,470	0
B	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					10,319,374	8,183,534	18,502,909	-	2,144,342	-	89,065	92,384	2,325,791	-	7,017,804	1,165,730
1	Thái Bình					541,003	753,893	1,294,897	0	77,206		1,542	505	79,253		663,979	89,914
1.1	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Thái Bình	Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi	UBND tỉnh Thái Bình		UBND tỉnh Thái Bình	198,792	389,840	588,632		30,968			183	31,151		343,570	46270
1.2	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Thái Bình	Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi	UBND tỉnh Thái Bình		UBND tỉnh Thái Bình	310,490	347,982	658,472		46,238			322	46,560		308,231	39751
1.3	Công ty TNHH MTV XSKT Thái Bình	Kinh doanh xổ số	UBND tỉnh Thái Bình		UBND tỉnh Thái Bình	31,721	16,071	47,793				1,542		1,542		12,178	3893
2	Hà Tĩnh					2,000,136	1,647,541	3,647,677		1,647,541				1,647,541		1,647,541	0
2.1	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Hà Tĩnh	Quản lý khai thác tổng hợp công trình thủy lợi...	UBND tỉnh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	1,436,797	1,469,416	2,906,213		1,469,416				1,469,416		1,469,416	0
2.2	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh	Khai thác và xử lý, cung cấp nước...	UBND tỉnh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	563,339	178,125	741,464		178,125				178,125		178,125	0
3	Quảng Trị					24,418	9,624	34,042	-	9,624				9,624		9,624	-
3.2	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Trị	Xổ số	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	24,418	9,624	34,042		9,624				9,624		9,624	0
4	Bình Phước					244,500	261,000	505,500				71,500		71,500		71,500	189,500
4.1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước	Kinh doanh xổ số kiến thiết	Thủ tướng Chính phủ	Sở Tài chính	UBND tỉnh	244,500	261,000	505,500				71,500		71,500		71,500	189,500
5	Phú Thọ					2,946,663	19,029	2,965,692		8,305		61		8,366		9,152	9,877
5.1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ;	Bom tưới tiêu, phục vụ sx nông nghiệp...	UBND tỉnh Phú Thọ	Sở Tài chính	UBND tỉnh Phú Thọ	2,935,387	8,305	2,943,692		8,305				8,305		8,305	
5.2	Công ty TNHH MTV XSKT	Kinh doanh xổ số	UBND tỉnh Phú Thọ		UBND tỉnh Phú Thọ	11,276	10,724	22,000				61		61		847	9,877
6	Đắk Lắk					79,414	10,219	89,633				8,963		8,963		10,219	

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Quy mô vốn điều lệ			Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ			
						Trước khi bổ sung	Bổ sung	Sau khi bổ sung	NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ Đầu tư phát triển	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Giảm vốn điều lệ	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+ (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		(16)	(17)=(8)-(16)
6.1	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Đắk Lắk	Xô số	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	79,414	10,219	89,633				8,963		8,963		10,219	
7	Ninh Thuận					50,000	25,000	75,000				4,964		4,964		21,238	3,762
7.1	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Ninh Thuận	Xô số	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	50,000	25,000	75,000				4,964		4,964		21,238	3,762
8	Gia Lai					8,243	8,713	16,956					180	180		8,713	
8.1	Công ty TNHH MTV LN Kanak	Trồng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	8,243	8,713	16,956					180	180		8,713	
9	Quảng Nam					1,630	127	1,757		127				127		127	
9.1	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam	Bơm tưới tiêu, phục vụ sx nông nghiệp...	UBND tỉnh	Sở Tài Chính	UBND tỉnh	1,630	127	1,757		127				127		127	
10	Hòa Bình					20,000	14,200	34,200		3,000				3,000		9,000	5,200
12.1	Công ty TNHH MTV Xô Số Kiến Thiết Hòa Bình	Xô số	UBND tỉnh	Sở Tài Chính	UBND tỉnh	20,000	14,200	34,200		3,000				3,000		9,000	5,200
11	Quảng Ninh					805,392.19	252,162.46	1,057,554.66	0	211,107.63	0	0	8,882.40	219,990.03		252,162.46	0
11.1	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh	Cung ứng dịch vụ thủy lợi	UBND tỉnh	Sở NN & PTNT; Sở Tài Chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh	100,289	73,106	173,395		69,753			3,353	73,106		73,106	0
11.2	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Miền Đông Quảng Ninh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và nước sạch sinh hoạt nông thôn	UBND tỉnh		UBND tỉnh	403,375.67	100,810.42	504,186.10		96,842.63			795.357	97,637.99		100,810.42	0
11.3	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh	Cung ứng dịch vụ thủy lợi	UBND tỉnh		UBND tỉnh	301,727.52	78,246.04	379,973.56		44,512			4,734.04	49,246.04		78,246.04	0
12	Hà Nội					3,538,000	5,172,000	8,710,000		187,431		1,877	82,817	272,125		4,309,871	862,129
12.1	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ	Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND thành phố	Sở NN&PTNT Hà Nội	UBND thành phố	600,000	1,555,000	2,155,000		9,913			47	9,960		1,022,893	532,107
12.2	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy	Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND thành phố	Sở NN&PTNT Hà Nội	UBND thành phố	736,000	1,009,000	1,745,000		177,518				177,518		781,841	227,159
12.3	TCT Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC	Xây dựng, bất động sản	UBND thành phố	Sở Tài chính Hà Nội	UBND thành phố	2,160,000	2,140,000	4,300,000					82,770	82,770		2,140,000	
12.4	Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và thiết bị đô thị	Chiếu sáng đô thị	UBND thành phố	Sở Tài chính Hà Nội	UBND thành phố	42,000	468000	510000				1877		1877		365137	102863
13	Cao Bằng					59,975	10,025	70,000				158		158		4,677	5,348
13.1	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Cao Bằng	0	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	59,975	10,025	70,000				158		158		4,677	5,348

Chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ	Ghi chú
(18)=(8)-(16)	
15,671,601	
15,518,179	
15,518,179	
-95,379	
-317,601	
-55,209	
-408,593	
-363,507	
-557,800	
-313,402	
-3,727,314	
-100,632	
-68,569	
-138,066	
-19,601	
-10,680	
-179,427	
-489,724	
-67,601	
	Giảm VĐL
-3,497,399	
-703,471	
-22,015	
-171,854	
-168,357	

Chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ	Ghi chú
(18)=(8)-(16)	
-399,048	
-232,569	
-96,065	
-26,758	
-6,781	
-92,585	
-165,960	
-262,301	
-253,150	
-211,524	
-165,042	
-85,050	
-517,448	
-407,119	Giảm VDL
-101,077	
-84,109	
-168,987	
-150,232	
-64,803	
-61,138	
-2,113	

Chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ	Ghi chú
(18)=(8)-(16)	
153,422	
	Vốn điều lệ bổ sung theo hình thức tiếp nhận TSCĐ, bàn giao công trình
	Vốn điều lệ bổ sung theo hình thức tiếp nhận TSCĐ, bàn giao công trình

-
1,758,227

D QP đc bổ sung

53

2434411

DN Trung ương được bs

58

DN QP k đc bs

27

0

DN địa phương dc bs

20

DN QP bị giảm VĐL

2

-676184

Phát sinh 1,758,227[illegible]

DN QP bị giảm VĐL

2

-676184

Phát sinh 1,758,227

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

• • •

0 0 0

0 0 0

0 0 0

DN QP bị giảm VDL 2 -676184

Phát sinh 1,758,227

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0
0 0 0
0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

DN QP bị giảm VDL

2

-676184

Phát sinh 1,758,227

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

1 0 0

1 0 0

0 0 0

0 0 0

1 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

DN QP bị giảm VDL 2 -676184

Phát sinh 1,758,227

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0

0 0 0
0 0 0

0 0 0

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 01B
BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
TRONG NĂM 2022
(Kèm theo báo cáo số/BC-BTC ngày/...../2023 của Bộ Tài chính)

Đơn vị

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Vốn điều lệ trước khi bổ sung			Vốn điều lệ sau khi bổ sung			Vốn nhà nước phải đầu tư bổ sung	Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đã	
						VDL của doanh nghiệp	Trong đó		VDL của doanh nghiệp	Trong đó			NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Khác		Bổ sung trong năm báo cáo
							Vốn góp của NN	Tỷ lệ sở hữu của NN		Vốn góp của NN	Tỷ lệ sở hữu của NN								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (11)-(8)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
B	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					331,807	155,354	-	368,969	172,012	-	16,659	-	-	-	3,399	13,260	16,659	
1	Phú Thọ					25,807	6,194		30,969	7,432		1,239				1,239		1,239	
1.1	CTCP Cấp nước Phú Thọ	Sản xuất kinh doanh nước sạch	Đại hội cổ đông	Đại hội cổ đông	Đại hội cổ đông	25,807	6,194	24%	30,969	7,432	24%	1,239				1,239		1,239	
2	Khánh Hòa					306,000	149,160		338,000	164,580		15,420	-	-	-	2,160	13,260	15,420	
2.1	CTCP cấp thoát nước Khánh Hòa	Sản xuất và cung cấp nước sạch	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	260,000	132,600	51%	286,000	145,860	51%	13,260					13,260	13,260	
2.2	CTCP đô thị cam ranh	Sản xuất nước sạch, dịch vụ công ích	UBND tỉnh	Sở Tài chính	UBND tỉnh	46,000	16,560	36%	52,000	18,720	36%	2,160				2,160		2,160	

Ghi chú:
- Cột (3): ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp
- Cột (4), (5), (6): tên cơ quan phê duyệt chủ trương / thẩm định / quyết định thành lập và ngày / tháng / năm ban hành văn bản, số văn bản
- Cột (7): vốn điều lệ trước khi có Quyết định phê duyệt
- Cột (10): vốn điều lệ được phê duyệt theo Quyết định
- Cột (19)=(14)+(15)+(16)+(17)+(18)
- Cột (20): lũy kế vốn nhà nước đã bổ sung cho doanh nghiệp tính từ ngày phê duyệt theo quyết định đến ngày 31/12 của năm báo cáo
- Các cột đánh dấu x không cần điền dữ liệu

đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư bổ sung vốn điều lệ		Ghi chú
Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung	
(20)	(21)= (13)-(20)	(22)
16,659	-	
1,239		
1,239		
15,420	-	
13,260	-	
2,160	-	

	1	-
-		-
-		-
-		-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC ĐỂ MUA LẠI MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ DOANH NGHIỆP
TRONG NĂM 2022**

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Dự án nhóm	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan quyết định đầu tư	Tổng mức vốn đầu tư				Nguồn vốn đầu tư trong năm báo cáo				Tình hình thực hiện đầu tư	
						Mức vốn đầu tư của Nhà nước	VĐL của doanh nghiệp được mua lại	Trong đó		NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Khác	Đầu tư trong năm báo cáo	Đầu tư lũy kế
								Vốn góp của NN	Tỷ lệ sở hữu của NN						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ														
I	Bộ Quốc Phòng														
1	Doanh nghiệp A														
2	Doanh nghiệp B														
3	Doanh nghiệp C														
...	...														
B	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương														
I	Hà Nội														
	Doanh nghiệp A														
	Doanh nghiệp B														
	...														
	Tổng cộng	X	X	X	X										

....., ngày... tháng.....năm....
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (3): ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp
- Cột (4): Dự án thuộc nhóm A, B, hoặc C theo Luật Đầu tư công
- Cột (5), (6): tên cơ quan phê duyệt chủ trương / thẩm định / quyết định thành lập và ngày / tháng / năm ban hành văn bản, số văn bản
- Cột (7): Là mức vốn đầu tư trong phương án đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt
- Cột (15)=(11)+(12)+(13)+(14)
- Cột (16): lũy kế vốn đã đầu tư để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp tính từ ngày phê duyệt theo quyết định đến ngày 31/12 của năm báo cáo
- Các cột đánh dấu x không cần điền dữ liệu

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOA

(Kèm theo công văn số /BTC-TCDN ngày / /2023 của E

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu	Nội dung giám sát	Tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	Phương thức tổ chức giám sát của Bộ Tài chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Bộ, quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ			

1	Bộ Quốc phòng	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp		Gián tiếp (giám sát sau)
2	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp được đầu tư: - TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc - TCT Bãi đảm an toàn hàng hải miền Nam - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải 2. Nguồn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển	Gián tiếp (giám sát sau)

3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp được đầu tư: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biền Đông 2. Nguồn đầu tư: nguồn khác (tiếp nhận tài sản là cơ sở nhà đất và tài sản từ các dự án hoàn thành được đầu tư bằng các nguồn vốn ngân sách)	Gián tiếp (giám sát sau)
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp		Gián tiếp (giám sát sau)
B Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW				
1	Gia Lai	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák. - Nguồn vốn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển	Gián tiếp (giám sát sau)

2	Hà Tĩnh	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp được đầu tư: - Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh - Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh 2. Nguồn đầu tư: nguồn khác (tiếp nhận tài sản)	Gián tiếp (giám sát sau)
3	Quảng Trị	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp được đầu tư: Công ty TNHH MTV Xô số 2. Nguồn đầu tư: ngân sách địa phương	Gián tiếp (giám sát sau)

4	Bình Phước	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước - Nguồn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển	Gián tiếp (giám sát sau)
5	Thái Bình	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình. Nguồn vốn đầu tư: nguồn ngân sách địa phương và nguồn khác. 2. Công ty TNHH MTV XSKT Thái Bình: Nguồn vốn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển	Gián tiếp (giám sát sau)

6	Phú Thọ	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Công ty TNHH MTV KTCTTL Phú Thọ: Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương. 2. Công ty TNHH Xô số kiến thiết Phú Thọ: Nguồn vốn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển 3. CTCP Cấp nước Phú Thọ: Nguồn vốn đầu tư: Cổ tức được chia	Gián tiếp (giám sát sau)
7	Đắk Lắk	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết - Nguồn đầu tư: Quỹ đầu tư phát triển	Gián tiếp (giám sát sau)
8	Hòa Bình	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Hòa Bình - Nguồn vốn đầu tư: ngân sách địa phương	Gián tiếp (giám sát sau)

9	Quảng Nam	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương	Gián tiếp (giám sát sau)
10	Quảng Ninh	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp - Công ty TNHH MTV Thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh. - Công ty TNHH MTV Thủy lợi miền Đông. - Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh 2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương và nguồn khác (Quỹ phòng chống thiên tai, Dự phòng ngân sách)	Gián tiếp (giám sát sau)
11	Khánh Hòa	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp: - CTCP Cấp thoát nước Khánh Hòa. - CTCP Đô thị Cam Ranh. 2. Nguồn vốn đầu tư: Cổ tức được chia	Gián tiếp (giám sát sau)

12	Hà Nội	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	1. Các doanh nghiệp: - Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; - Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy; - TCT Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC; - Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và thiết bị đô thị. 2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương, nguồn khác	Gián tiếp (giám sát sau)
13	Bến Tre	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	Giám vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bến Tre	Gián tiếp (giám sát sau)
14	Ninh Thuận	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết - Nguồn đầu tư: Quỹ đầu tư phát triển	Bộ Tài chính không thực hiện giám sát. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu

15	Cao Bằng	Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 51 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cao Bằng - Nguồn đầu tư: Quỹ đầu tư phát triển	trách nhiệm về kết quả giám sát
----	----------	---	---	---------------------------------

ANH NGHIỆP TRONG NĂM 2022

3ộ Tài chính)

Kết quả giám sát
(6)

- Mục tiêu và phạm vi đầu tư: theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 và Điều 13 Luật số 69/2014/QH13;
- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư: theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động thuộc Bộ Quốc phòng được bổ sung vốn điều lệ còn thiếu so với quyết định phê duyệt của giai đoạn trước.
- Nguồn vốn đầu tư: theo kế hoạch xây dựng, phát triển Công nghiệp quốc phòng theo Nghị quyết số 06-NQ/TW và 08-NQ/TW của Quân ủy Trung ương; kế hoạch đầu tư trung hạn, từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các dự án đầu tư nâng cao tiềm lực, phát triển công nghiệp quốc phòng, nâng cao năng lực sản xuất, sửa chữa trang thiết bị, vũ khí, khí tài phục vụ quân sự, quốc phòng; một số doanh nghiệp thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ thiếu từ Quỹ Đầu tư phát triển của doanh nghiệp;
- Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội: làm tăng năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang thiết bị, vũ khí, khí tài phục vụ quân sự, quốc phòng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tăng thu cho ngân sách nhà nước.
- Một số doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt

- Mục tiêu và phạm vi đầu tư: các doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn điều lệ có nhiệm vụ chủ yếu là cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phù hợp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
- Tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
- Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội: Giúp doanh nghiệp thực hiện tốt công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải và bảo đảm an toàn hàng hải; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

- Đối tượng và phạm vi đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 91/201/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Nguồn đầu tư: do tiếp nhận tài sản là cơ sở nhà đất và tài sản từ các dự án hoàn thành được đầu tư bằng các nguồn vốn ngân sách

- Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội: góp phần tăng thêm nguồn lực, năng lực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh, dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa, quản lý khai thác duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

- Việc tăng vốn của Agribank được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng thương mại, trong đó cho phép ngân hàng được sử dụng số tiền lãi thu lãi trái phiếu đặc biệt để tăng vốn điều lệ

- Trình tự, thủ tục tăng vốn nhà nước tại Agribank chấp hành đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2022, Agribank sử dụng có hiệu quả tài sản và nguồn vốn được bổ sung

- Việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đảm bảo mục tiêu và phạm vi đầu tư vốn theo quy định

- UBND tỉnh đã chấp hành và tuân thủ về trình tự, thủ tục về quyết định đầu tư vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

- Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, an toàn về tài chính

Các doanh nghiệp sau khi được bổ sung vốn điều lệ đã thực hiện cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, từ đó, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các hệ thống công trình thủy lợi, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ có thu từ công trình thủy lợi như cấp nước sinh hoạt công nghiệp, thủy điện... , đồng thời, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của công trình thủy lợi, tránh thất thoát nước, tiết kiệm điện năng, từ đó từng bước tăng doanh thu từ hoạt động khai thác công trình thủy lợi khác, giảm cấp bù từ ngân sách nhà nước, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động. UBND tỉnh đã thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Chương II Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; đã giao các doanh nghiệp căn cứ các quyết định phê duyệt tăng vốn điều lệ, quyết định phê duyệt quyết toán công trình, biên bản bàn giao tài sản đưa vào sử dụng, chủ trương của UBND tỉnh cho phép sử dụng khoản thu nhập từ lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn NSNN bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để đối ứng thực hiện các công trình thủy lợi đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư, thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa đánh giá cụ thể tính tuân thủ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương và quyết định đầu tư vốn nhà nước.

Đầu tư bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo công văn số 7596/VPCP-KTTH ngày 19/10/2021 của VPCP phê duyệt chủ trương tăng VĐ, Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh quyết định phê duyệt mức VĐL mới là 316,000 triệu đồng. Đến hết năm 2022, DN đã bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển là 71,500 triệu đồng. Việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và DV tổng hợp Bình Phước đáp ứng được mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của DN theo quy định tại khoản 3 Điều 4; Điều 5, Điều 13 Luật số 69/2014/QH13 và quy định tại Điều 5, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ. Việc tăng VĐL đã thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi được UBND tỉnh giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án xây dựng cơ bản công trình thủy lợi nằm trong hệ thống thuộc phạm vi quản lý của từng doanh nghiệp. Hàng năm, các doanh nghiệp được cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản để thanh toán khối lượng cho nhà thầu. Các dự án đầu tư được giao cơ bản hoàn thành theo tiến độ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng được mục tiêu của dự án đề ra. Trình tự, thủ tục đầu tư được thực hiện theo quy định và đã được đưa vào khai thác sử dụng, vận hành đều có hiệu quả.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu không làm rõ phương án bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do nhà nước đang nắm giữ 100% vốn điều lệ đã được phê duyệt hay chưa.

- Nguồn bổ sung vốn nhà nước vào CTCP Cấp nước Phú Thọ là từ cổ tức được chia, theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP phải được nộp vào ngân sách nhà nước

- Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp đảm bảo mục tiêu và phạm vi đầu tư vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ căn cứ vào Quyết định điều chỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng mua sắm tài sản giai đoạn 05 năm (2020-2024) để điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắk Lắk

- Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả; tình hình tài chính của doanh nghiệp lành mạnh, an toàn.

- Tuân thủ về trình tự, thủ tục về thẩm quyền quyết định chủ trương và quyết định đầu tư vốn nhà nước

- Thẩm quyền bổ sung vốn điều lệ cho Công ty phù hợp với Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp

- Một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động được bổ sung vốn điều lệ còn thiếu so với quyết định phê duyệt của giai đoạn trước

- Doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn bổ sung trên để kinh doanh, sản xuất và mở rộng cơ sở sản xuất in và các dịch vụ liên quan đến in ấn.

- Vốn bổ sung tăng trong năm đảm bảo phù hợp với việc đầu tư vốn Nhà nước theo mục tiêu và phạm vi đầu tư vốn Nhà nước tại Điều 5 và Điều 7 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu không làm rõ phương án bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do nhà nước đang nắm giữ 100% vốn điều lệ đã được phê duyệt hay chưa.

- Hoạt động đầu tư bổ sung vốn mang lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích: điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.

- Việc đầu tư vốn nhà nước cơ bản thực hiện theo đúng mục tiêu và phạm vi theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

- Tuân thủ trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động

- UBND tỉnh đã cân đối nguồn vốn từ NSDP để cấp kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện và bàn giao tài sản công trình cho doanh nghiệp

- Đảm bảo phục vụ sản xuất cho nông nghiệp, đời sống dân sinh kinh tế, phòng, chống giảm nhẹ thiên tai vùng hạ du

- Các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, đủ điều kiện để được đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

- Nguồn bổ sung vốn nhà nước vào CTCP Đô thị Cam Ranh là từ cổ tức được chia, theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP phải được nộp vào ngân sách nhà nước

- Việc đầu tư bổ sung vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh, nhu cầu đầu tư

- Các doanh nghiệp thực hiện cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích tươi, tiêu nước đảm bảo phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, tiêu dân sinh xã hội kịp thời, hiệu quả trên địa bàn quản lý; trong lưu vực các doanh nghiệp phụ trách không có diện tích phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước, không có diện tích bị mất do ngập úng; chất lượng dịch vụ được UBND các huyện, quận và khách hàng ghi nhận.
- Một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động được bổ sung vốn điều lệ còn thiếu so với quyết định phê duyệt của giai đoạn trước
- Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Một số doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt

Theo Thông báo số 758/TB-KVIX ngày 28/11/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX về kết quả kiểm toán tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bến Tre; trong đó kiến nghị việc thực hiện dự án Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh có bố trí từ tầng 3 đến tầng 9 làm văn phòng cho thuê là không phù hợp với ngành nghề kinh doanh xổ số theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Trong năm 2022, UBND tỉnh Bến Tre đã thành lập Đoàn kiểm tra, khảo sát hiện trạng công trình để tham mưu, đề xuất phương án xử lý. Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp sẽ họp để xem xét phương án và báo cáo UBND tỉnh Bến Tre cho ý kiến xử lý.

- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Ninh Thuận thuộc đối tượng được đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
- Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
- Việc tăng vốn điều lệ giúp doanh nghiệp tăng quy mô vốn chủ sở hữu, tạo thêm tiềm lực về vốn kinh doanh, mở rộng mô hình, đa dạng sản phẩm kinh doanh góp phần tăng trưởng doanh thu, tăng lợi nhuận và tăng nguồn thu ngân sách, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa báo cáo kết quả giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC